

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 256/2022/HNGĐT-ST

Ngày: 16-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Mai Thị Nguyệt

2/ Bà Lâm Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 314/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Minh H – Sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 23 Đường Đào Sư Tích, Ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Đặng Văn U – Sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 31 Ấp 2, xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị Minh H trình bày:

Bà Đặng Thị Minh H và ông Đặng Văn U đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2001 theo giấy Trích lục kết hôn số 34/TLKH-BS ngày 19/02/2021 do Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông U không lo làm ăn, thường xuyên la mắng, dùng những lời lẽ không hay để bạo hành bà H về mặt tinh thần. Từ đó, vợ chồng không

còn tiếng nói chung, bà H cũng đã vì con mà cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng giữa bà H và ông U vẫn không hòa hợp được, đời sống tình cảm giữa hai người không hạnh phúc. Bà H và ông U đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn ông Đặng Văn Út.

Về con chung: Bà H và ông U có 01 con chung tên là Đặng Thị Ngọc T–sinh ngày 28/6/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông Đặng Văn U là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do và cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua phần tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thì quan hệ tranh chấp giữa bà Đặng Thị Minh H và ông Đặng Văn Út được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông U có địa chỉ cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Văn U đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa để ông U tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông U vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân.

Bà Đặng Thị Hiền yêu cầu ly hôn ông Đặng Văn Út.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 34/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/02/2021 thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông U là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Như vậy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Trên thực tế hôn nhân giữa bà H và ông U đã không còn hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài, hai bên đã không còn chung sống với nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì địa phương không giải quyết mâu thuẫn giữa bà H và ông U. Tuy nhiên, trong cả quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông U đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tòa án để giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc trong cuộc sống vợ chồng cũng như trình bày ý kiến của mình nhưng ông U vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Việc ông U không có mặt tại Tòa án để làm việc chứng tỏ ông U không còn quan tâm đến gia đình, cũng như không có thiện chí xây dựng hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Hiền. Như vậy, có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông U hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H với ông U là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ vào giấy khai sinh số 119/QH, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/8/2003 có cơ sở xác định cháu Đặng Thị Ngọc T – sinh ngày 28/6/2003 là con chung của bà H và ông U. Cháu Thủy đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà H có nghĩa vụ phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19; 51; 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Đặng Thị Minh H được ly hôn với ông Đặng Văn Út.

- Về con chung: Bà Đặng Thị Minh H và ông Đặng Văn U có 01 con chung là Đặng Thị Ngọc T– sinh ngày 28/6/2003, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Đặng Thị Minh H có nghĩa vụ phải nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0073341 ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Bà H đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Thị Duyên